

00 TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 - CÀ MAU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 242/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 9 – 2026

“V/v không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh

Bà Trương Ánh Hoa

Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3832/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Hoàng T, sinh ngày 01/01/1978. Số CCCD: 096078009727. Địa chỉ cư trú: Số G, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau (trước là ấp C, xã T, Tp.). Có mặt.

Bị đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1979. Số CCCD: 096179003178. Địa chỉ cư trú: Số G, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau (trước là ấp C, xã T, Tp.). Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Thái Hoàng T trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Ông với bà Lâm Thị L được cha mẹ tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã ly thân nhau hơn 04 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Lâm Thị L.

Về con chung: Có hai con chung tên Thái Thị Minh T1, sinh ngày 31/12/1999 và Thái Hoàng H, sinh ngày 07/4/2002. Hiện hai con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn là bà Lâm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian sống chung và không đăng ký kết hôn như ông T trình bày là đúng. Về nguyên nhân ly hôn, bà thống nhất với trình bày của ông T. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân hơn 04 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Thái Thị Minh T1, sinh ngày 31/12/1999 và Thái Hoàng H, sinh ngày 07/4/2002. Hiện hai con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lâm Thị L có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Thái Hoàng T và bà Lâm Thị L thống nhất xác định ông, bà được gia đình tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vậy nên, mặc dù ông T, bà L xác định giữa ông, bà có nhiều mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn nhưng vì hôn nhân của ông, bà đã vi phạm về mặt hình thức là không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa ông Thái Hoàng T với bà Lâm Thị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Thái Thị Minh T1, sinh ngày 31/12/1999 và Thái Hoàng H, sinh ngày 07/4/2002. Hiện hai con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông, bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông, bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình, ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận ông Thái Hoàng T với bà Lâm Thị L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Có hai con chung tên Thái Thị Minh T1, sinh ngày 31/12/1999 và Thái Hoàng H, sinh ngày 07/4/2002. Hiện hai con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Thái Hoàng T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07/8/2026 ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0001714 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 của Luật thi hành án dân sự.

Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy N